

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01.01.2018 đến ngày 31.03.2018

MỤC LỤC

	Trang
Bảng Cân đối kế toán	3 - 4
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	5
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	6
Thuyết minh Báo cáo tài chính	7 - 37



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,621,631,907,582	1,652,866,416,498
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	175,787,705,243	103,977,942,158
1 . Tiền	111		175,787,705,243	103,977,942,158
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		677,468,941,576	800,627,381,000
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	508,232,724,452	649,415,339,459
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		93,644,829,118	81,719,521,898
5 . Các khoản phải thu khác	136	5.3	76,872,591,577	70,773,723,214
6 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1,281,203,571)	(1,281,203,571)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	719,317,038,053	716,056,207,902
1 . Hàng tồn kho	141		721,522,294,209	718,261,464,058
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2,205,256,156)	(2,205,256,156)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49,058,222,710	32,204,885,438
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	13,333,724,938	15,732,063,351
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152		31,736,518,458	14,702,012,873
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	3,987,979,314	1,770,809,214
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		579,469,495,376	630,403,702,522
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23,712,375,221	56,769,114,822
6 . Phải thu dài hạn khác	216	5.3	23,712,375,221	56,769,114,822
II. Tài sản cố định	220		257,099,842,337	269,443,321,464
1 . TSCĐ hữu hình	221	5.6	233,653,665,176	244,692,035,196
- Nguyên giá	222		711,192,807,437	717,405,098,456
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(477,539,142,261)	(472,713,063,260)
3 . TSCĐ vô hình	227	5.7	23,446,177,161	24,751,286,268
- Nguyên giá	228		41,254,610,032	41,254,610,032
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17,808,432,871)	(16,503,323,764)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		19,343,888,188	20,636,297,712
2 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19,343,888,188	20,636,297,712
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	243,895,803,579	245,895,803,579
1 . Đầu tư vào công ty con	251		150,908,200,274	152,908,200,274
2 . Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		58,861,989,920	58,861,989,920
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34,125,613,385	34,125,613,385
V. Tài sản dài hạn khác	260		35,417,586,051	37,659,164,945
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	35,417,586,051	37,659,164,945
TỔNG TÀI SẢN	270		2,201,101,402,958	2,283,270,119,020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.866.821.401.374	1.960.866.006.869
I. Nợ ngắn hạn	310		1.760.724.852.809	1.859.708.010.448
2 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	211.983.852.581	280.376.891.231
3 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.910.830.570	9.699.375.125
4 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	4.471.878.599	6.287.873.733
5 . Phải trả người lao động	314		13.592.770.972	90.327.994.229
6 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	24.804.928.511	39.966.664.735
8 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	12.942.675.761	12.054.922.758
9 . Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	18.421.223.371	21.527.938.855
10 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.405.576.057.518	1.341.689.955.034
11 . Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		39.860.750.361	39.860.750.361
12 . Quỹ khen thưởng ,phúc lợi	322		14.159.884.565	17.915.644.387
II. Nợ dài hạn	330		106.096.548.565	101.157.996.421
1 . Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	904.626.500	1.023.054.500
6 . Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	25.821.211.674	22.869.583.121
7 . Phải trả dài hạn khác	337	5.13	5.005.358.574	4.794.960.183
8 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	74.365.351.817	72.470.398.617
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		334.280.001.584	322.404.112.151
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	334.280.001.584	322.404.112.151
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
8 . Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	31.399.897.713
11 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		120.880.103.871	109.004.214.438
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		109.004.214.438	46.842.496.709
- LNST chưa phân kỳ này	421b		11.875.889.433	62.161.717.729
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.201.101.402.958	2.283.270.119.020

TP.HCM, ngày 08 tháng 05 năm 2018

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Trưởng phòng
Kế toán



Thân Phạm Tiến



Tổng Giám đốc

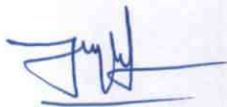
Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 năm 03 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01.01.2018 đến ngày 31.03.2018	Từ ngày 01.01.2017 đến ngày 31.03.2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	660.225.425.414	671.116.616.518
2. Các khoản giảm trừ	02		4.473.757.172	2.375.913.833
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		655.751.668.242	668.740.702.685
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	506.008.766.093	519.300.236.837
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		149.742.902.149	149.440.465.847
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	3.920.125.245	6.034.030.927
7. Chi phí tài chính	22	5.19	10.827.707.988	7.523.405.132
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.161.963.998	5.231.247.535
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	58.593.275.927	62.157.920.064
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	66.672.346.157	67.726.809.363
10. Lợi tức thuần từ HĐKD	30		17.569.697.322	18.066.362.215
11. Thu nhập khác	31		468.559.466	451.435.060
12. Chi phí khác	32		20.123.599	182.889.212
13. Lợi nhuận khác	40	5.22	448.435.867	268.545.848
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		18.018.133.189	18.334.908.063
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	3.880.169.578	3.922.621.678
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		14.137.963.611	14.412.286.385

TP.HCM, ngày 08 tháng 05 năm 2018

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Trưởng phòng
Kế toán



Thân Phạm Tiến



Tổng Giám đốc



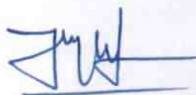
Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Chi tiêu	Mã số	TM	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18,018,133,189	18,334,908,063
2. Điều chỉnh các khoản			21,304,231,581	19,414,885,744
- Khấu hao tài sản cố định	02		14,192,992,517	14,967,649,932
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,050,724,934)	(784,011,723)
- Chi phí lãi vay	06		9,161,963,998	5,231,247,535
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39,322,364,770	37,749,793,807
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		145,350,723,236	24,111,876,897
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3,260,830,151)	86,836,841,339
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(154,146,742,628)	(155,286,033,377)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4,639,917,307	2,826,053,516
- Tiền lãi vay đã trả	13		(9,161,963,998)	(5,231,247,535)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6,223,328,307)	(6,467,868,813)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		420,000,000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6,017,834,000)	(3,130,744,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		10,922,306,229	(18,591,328,166)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7,392,500,646)	(8,164,088,545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		48,901,818	334,011,723
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10,272,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2,000,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		450,000,000	450,000,000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(4,893,598,828)	(17,652,076,822)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		760,045,642,536	565,416,996,752
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(694,264,586,852)	(491,207,499,438)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		65,781,055,684	74,209,497,314
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	50		71,809,763,085	37,966,092,326
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		103,977,942,158	46,203,334,462
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		175,787,705,243	84,169,426,788

TP.HCM, ngày 08 tháng 05 năm 2018

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Trưởng phòng
Kế toán



Thân Phạm Tiến

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.780.000	17.800.000.00	9,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bơm	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.330.878	113.308.780.000	62,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/03/2018: 5.046 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;

...

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/03/2018, Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết
Các công ty con		
Công ty CP May Bình Định	51.84%	51.84%
Công ty CP May Đà Lạt	55.00%	55.00%
Công ty CP May Gia Lai	51.00%	51.00%
Công ty CP May An Nhơn	51.00%	51.00%
Công ty CP May Tam Quan	51.00%	51.00%
Công ty TNHH giặt tẩy Nhà Bè	70.00%	70.00%
Công ty cổ phần May Bình Thuận	51.00%	51.00%
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	71.24%	71.24%
Cty CP May Gia Phúc	87.50%	87.50%
Công ty CP BĐS Nhà Bè	51.57%	51.57%
Cty CP May Đức Linh - Nhà Bè	67.49%	67.49%
Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty cổ phần May Phú Thịnh	33.19%	33.19%
Công ty cổ phần May 9 Nam Định	49.86%	49.86%
Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển DV-TM NB	28.58%	28.58%
Công ty cổ phần May Sông Tiền	43.89%	43.89%
Công ty CP tư vấn CN Nhà Bè	30.00%	30.00%
Công ty CP XLCN Nhà Bè	29.99%	29.99%
CN Cty CP truyền thông Nhà Bè	46.70%	46.70%
Cty CP truyền thông & Du lịch NBC	42.27%	42.99%
Công ty TNHH May mặc Tư Nghĩa	25.00%	25.00%

Các đơn vị phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

Chi Nhánh 3 – Tổng công May Nhà Bè – CTCP tại Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Hải Phòng

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Nam Định

Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại UK

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ Kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toánĐối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 31/03/2018.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 31/03/2018

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiềnTiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chínhCác khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toánTài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (Số năm)
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	6,763,558,660	7,891,633,416
Tiền gửi ngân hàng	169,024,146,583	96,086,308,742
Các khoản tương đương tiền	-	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	-	-
Tổng	175,787,705,243	103,977,942,158

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	508,232,724,452	649,415,339,459
CANDA	13,257,466,220	11,083,856,521
MOTIVES	48,909,240,604	28,235,125,479
PROMINENT/ITOCHU	16,877,439,565	15,415,427,039
JC PENNY	6,466,272,126	38,194,011,787
ARCADIA	43,252,200,315	35,438,604,139
BMB CLOTHING GROUP	32,312,877,362	41,026,113,023
DEBENHAMS RETAIL	24,733,947,833	11,696,120,262
PRIMARK	8,971,384,951	30,502,851,190
RIVER	12,640,063,898	11,445,596,543
Công Ty CP May Gia Phúc	27,020,379,719	26,683,331,045
VINATEX (VSC)	68,318,612,244	57,867,174,827
Phải thu các đối tượng khác	205,472,839,615	341,827,127,604
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Tổng cộng	508,232,724,452	649,415,339,459

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.3 Phải thu khác

	31/03/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
		dự phòng	Giá trị ghi sổ	dự phòng
Ngắn hạn	76,872,591,577	-	70,773,723,214	-
Phải thu BHXH	2,238,525,815	-	3,114,195,227	-
Phải thu các công ty con, LDLK	34,581,319,559	-	30,747,454,851	-
Phải thu bán nguyên phụ liệu		-	1,944,509,732	-
Phải thu tạm ứng	2,121,531,668	-	4,983,945,884	-
Ứng tiền đầu tư dự án Sóc Trăng	10,672,008,157	-	8,008,336,539	-
Đặt cọc tiền mặt bằng	553,573,250	-	206,220,750	-
Mua đất dự án Long Thới	2,296,286,150	-	-	-
Phải thu khác	24,409,346,978	-	21,769,060,231	-
Dài hạn	23,712,375,221	-	56,769,114,822	-
Mua đất dự án Long Thới		-	34,296,286,150	-
Phải thu các công ty con, LDLK	13,463,212,329	-	12,000,000,000	-
Công Ty CP May Phù Cát	6,340,275,000	-	6,340,275,000	-
Ký quỹ thuê mặt bằng	3,384,887,892	-	3,608,553,672	-
Phải thu khác	524,000,000	-	524,000,000	-
Tổng	100,584,966,798	-	127,542,838,036	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.4 Hàng tồn kho

	31/03/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-		48,892,618	
Nguyên liệu, vật liệu	264,607,433,796		283,958,158,096	
Công cụ, dụng cụ	2,389,475,956		1,723,446,437	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	293,149,923,449		282,076,937,654	
Thành phẩm	72,536,310,930	(483,098,881)	64,199,534,486	(483,098,881)
Hàng hoá	11,178,737,802	(1,327,544,905)	10,203,082,128	(1,327,544,905)
Hàng gửi đi bán	77,660,412,276	(394,612,370)	76,051,412,639	(394,612,370)
	721,522,294,209	(2,205,256,156)	718,261,464,058	(2,205,256,156)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.5 Chi phí trả trước

	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	13,333,724,938	15,732,063,351
Chi phí bảo hiểm	1,528,485,515	2,233,803,198
Chi phí CCDC	1,280,381,829	1,413,352,130
Máy móc thiết bị	151,672,772	123,752,795
Phân bổ phụ tùng	1,774,431,824	2,583,395,106
Chi phí quảng cáo	1,050,306,807	637,226,281
Chi phí sửa chữa	1,302,313,049	1,434,168,096
Chi phí thuê mặt bằng	4,135,388,906	5,334,584,957
Khác	2,110,744,236	1,971,780,788
b) Dài hạn	35,417,586,051	37,659,164,945
Chi phí thuê đất	15,098,555,750	15,155,559,928
Chi phí công cụ, dụng cụ	4,525,116,675	5,549,377,559
Chi phí quảng cáo	319,670,086	485,542,942
Chi phí sửa chữa	8,616,647,485	9,582,003,213
Chi phí phụ tùng	805,194,761	1,361,996,696
Máy móc thiết bị	5,723,412,690	5,126,761,558
Khác	328,988,604	397,923,049
Tổng	48,751,310,989	53,391,228,296

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	250,248,509,563	417,081,227,315	37,966,956,352	12,108,405,226	717,405,098,456
Tăng trong năm	967,307,669	9,633,240,242	57,985,530,540	149,701,818	68,735,780,269
Mua trong năm	-	6,076,527,977	261,486,000	149,701,818	6,487,715,795
XDCB hoàn thành	904,784,851	630,675,266	661,734,258	-	2,197,194,375
Tăng do điều chuyển nội bộ	-	2,175,719,500	-	-	2,175,719,500
Tăng khác	62,522,818	750,317,499	57,062,310,282	-	57,875,150,599
Giảm trong năm	18,329,686,056	51,320,247,522	661,734,258	4,636,403,452	74,948,071,288
Thanh lý, nhượng bán	-	14,235,466,931	661,734,258	-	14,897,201,189
Giảm do điều chuyển nội bộ	-	2,175,719,500	-	-	2,175,719,500
Giảm Khác	18,329,686,056	34,909,061,091	-	4,636,403,452	57,875,150,599
Số dư tại 31/03/2018	232,886,131,176	375,394,220,035	95,290,752,634	7,621,703,592	711,192,807,437
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2018	146,882,845,752	294,611,689,224	21,275,555,367	9,942,972,917	472,713,063,260
Tăng trong năm	2,996,709,938	9,077,465,599	51,591,025,317	238,481,900	63,903,682,754
Khấu hao trong năm	2,955,028,058	8,637,509,030	1,121,731,922	173,614,400	12,887,883,410
Tăng do điều chuyển nội bộ	-	64,867,500	-	-	64,867,500
Tăng khác	41,681,880	375,089,069	50,469,293,395	64,867,500	50,950,931,844
Giảm trong năm	11,307,666,045	43,708,701,869	-	4,061,235,839	59,077,603,753
Thanh lý, nhượng bán	-	8,061,804,409	-	-	8,061,804,409
Giảm do điều chuyển nội bộ	-	-	-	64,867,500	64,867,500
Giảm Khác	11,307,666,045	35,646,897,460	-	3,996,368,339	50,950,931,844
Số dư tại 31/03/2018	138,571,889,645	259,980,452,954	72,866,580,684	6,120,218,978	477,539,142,261
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2018	103,365,663,811	122,469,538,091	16,691,400,985	2,165,432,309	244,692,035,196
Tại 31/03/2018	94,314,241,531	115,413,767,081	22,424,171,950	1,501,484,614	233,653,665,176

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2018	10,412,905,271		5,838,965,451	25,002,739,310		41,254,610,032
Tăng trong năm	-	-	-	1,624,195,797	-	1,624,195,797
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	1,624,195,797	-	1,624,195,797
Giảm trong năm	1,578,713,790	-	45,482,007	-	-	1,624,195,797
Tỷ, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	1,578,713,790	-	45,482,007	-	-	1,624,195,797
Số dư tại 31/03/2018	8,834,191,481	-	5,793,483,444	26,626,935,107	-	41,254,610,032
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2018	2,310,305,777		4,899,604,329	9,293,413,658		16,503,323,764
Tăng trong năm	252,315,729	-	176,032,849	1,404,471,148	-	1,832,819,726
Khấu hao trong năm	93,284,949	-	176,032,849	1,035,791,309	-	1,305,109,107
Tăng khác	159,030,780	-	-	368,679,839	-	527,710,619
Giảm trong năm	-	-	527,710,619	-	-	527,710,619
Tỷ, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	527,710,619	-	-	527,710,619
Số dư tại 31/03/2018	2,562,621,506	-	4,547,926,559	10,697,884,806	-	17,808,432,871
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
tại 01/01/2018	8,102,599,494	-	939,361,122	15,709,325,652	-	24,751,286,268
tại 31/03/2018	6,271,569,975	-	1,245,556,885	15,929,050,301	-	23,446,177,161

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên công ty	Tỷ lệ			Tại ngày 31/03/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				150,908,200,274	-	-	152,908,200,274	-	-
Công ty CP May Bình Định	51.84%	51.84%	1,153,562	11,535,620,000			11,535,620,000		
Công ty CP May Đà Lạt	55.00%	55.00%	581,765	5,817,648,520			5,817,648,520		
Công ty CP May Gia Lai	51.00%	51.00%	765,000	7,650,000,000			7,650,000,000		
Công ty CP May An Nhơn	51.00%	51.00%	765,000	7,650,000,000			7,650,000,000		
Công ty CP May Tam Quan	51.00%	51.00%	1,530,000	15,300,000,000			15,300,000,000		
Công ty TNHH giặt tẩy Nhà Bè	70.00%	70.00%	700,000	7,000,000,000			7,000,000,000		
Công ty cổ phần May Bình Thuận	51.00%	51.00%	1,275,000	12,750,000,000			12,750,000,000		
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	71.24%	71.24%	2,778,200	27,782,000,000			27,782,000,000		
Cty CP May Gia Phúc	87.50%	87.50%	1,750,000	17,500,000,000			17,500,000,000		
Công ty CP BDS Nhà Bè	51.57%	51.57%	1,470,000	14,700,000,000			16,700,000,000		
Cty CP May Đức Linh - Nhà Bè	67.49%	67.49%	2,322,293	23,222,931,754			23,222,931,754		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				60,200,739,920	15,219,301,784	-	58,861,989,920	7,563,360,000	-
Công ty cổ phần May Phú Thịnh	33.19%	33.19%	922,382	9,223,819,263	15,219,301,784		9,223,819,263	7,563,360,000	
Công ty cổ phần May 9 Nam Định	49.86%	49.86%	522,792	5,227,920,657			3,889,170,657		
Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển DV-TM NB	28.58%	28.58%	342,900	3,429,000,000			3,429,000,000		
Công ty cổ phần May Sông Tiền	43.89%	43.89%	1,536,000	15,360,000,000			15,360,000,000		
Công ty CP tư vấn CN Nhà Bè	30.00%	30.00%	150,000	1,500,000,000			1,500,000,000		
Công ty CP XLCN Nhà Bè	29.99%	29.99%	300,000	3,000,000,000			3,000,000,000		
CN Cty CP truyền thông Nhà Bè	46.70%	46.70%	56,000	560,000,000			560,000,000		
Cty CP truyền thông & Du lịch NBC	42.27%	42.99%	1,440,000	14,400,000,000			14,400,000,000		
Công ty TNHH May mặc Tư Nghĩa	25.00%	25.00%	750,000	7,500,000,000			7,500,000,000		
Đầu tư dài hạn khác				32,786,863,385	1,530,000,000	-	34,125,613,385	1,530,000,000	
Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu				1,530,000,000	1,530,000,000	-	1,530,000,000	1,530,000,000	
Công ty CP May An Nhơn				1,530,000,000	1,530,000,000		1,530,000,000	1,530,000,000	
Đầu tư dài hạn khác				31,256,863,385	-	-	32,595,613,385	-	
Công ty CP & Đầu tư Bình Thắng	18.02%	18.13%		5,802,843,385			5,802,843,385		
Công ty CP NPL Bình An	6.45%	6.45%		7,161,920,000			7,161,920,000		
Công ty CP Dệt May Liên Phương	2.04%	2.04%		3,480,000,000			3,480,000,000		
Cty CP Đầu Tư An Phát	5.00%	5.00%		4,225,000,000			4,225,000,000		
Công ty cổ phần May 9 Nam Định	18.59%						1,338,750,000		
Tổng Cty Việt Thắng - CTCPC	2.78%	2.67%		5,337,100,000			5,337,100,000		
Công Ty CP Thương Mại Bán Lê Nhà Bè	2.78%	19.45%		5,250,000,000			5,250,000,000		
Tổng				243,895,803,579	16,749,301,784	-	245,895,803,579	9,093,360,000	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.9 Phải trả người bán

	31/03/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	211,983,852,581	211,983,852,581	280,376,891,231	280,376,891,231
Cty CP May Tam Quan	4,511,505,199	4,511,505,199	12,519,303,216	12,519,303,216
Cty CP May Gia Lai	5,300,814,162	5,300,814,162	11,612,883,727	11,612,883,727
Motives (Far East) Ltd.	12,393,931,316	12,393,931,316	7,561,243,477	7,561,243,477
Công Ty TNHH Coats Phong Phú	2,616,069,902	2,616,069,902	4,774,659,986	4,774,659,986
Công Ty TNHH May XK Việt Thành	3,149,987,398	3,149,987,398	9,087,374,664	9,087,374,664
Cty CP May Tây sơn	3,818,644,897	3,818,644,897	7,617,743,899	7,617,743,899
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	6,920,983,891	6,920,983,891	9,183,944,951	9,183,944,951
Phải trả các nhà cung cấp khác	173,271,915,816	173,271,915,816	218,019,737,311	218,019,737,311
Dài hạn	904,626,500	904,626,500	1,023,054,500	1,023,054,500
Công Ty CP Long Phương Đông	904,626,500	904,626,500	1,023,054,500	1,023,054,500
phải trả dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng	212,888,479,081	212,888,479,081	281,399,945,731	281,399,945,731

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/03/2018
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3,150,437,456	4,255,088,832	5,065,189,970	2,340,336,318
Thuế XNK	9,430,344	140,019,280	9,430,344	140,019,280
Thuế thu nhập doanh nghiệp	119,737,206	-	119,737,206	-
Thuế thu nhập cá nhân	2,306,732,060	2,660,888,526	3,319,627,277	1,647,993,309
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	27,819,900	27,819,900	-
Thuế môn bài	-	44,000,000	44,000,000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	540,256,667	1,310,908,695	1,507,635,670	343,529,692
thuế nhà thầu	161,280,000	-	161,280,000	-
Tổng	6,287,873,733	8,438,725,233	10,254,720,367	4,471,878,599
Phải thu				
Thuế XNK	1,726,770,076	795,024,623	788,334,152	1,720,079,605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3,880,169,578	6,103,591,101	2,223,421,523
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	44,039,138	-	-	44,039,138
Tổng	1,770,809,214	4,674,755,153	6,891,925,253	3,987,979,314

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.11 Chi phí phải trả

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	24,804,928,511	39,966,664,735
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	8,725,363,021	16,036,533,792
Nguyên phụ liệu	10,902,293,072	16,121,344,450
Chi phí điện, nước, vận chuyển	3,891,788,710	5,572,994,282
Chi phí phải trả khác	1,285,483,708	2,235,792,211
b) Dài hạn		-
Tổng	24,804,928,511	39,966,664,735

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	12,942,675,761	12,054,922,758
Doanh thu nhận trước	12,942,675,761	12,054,922,758
b) Dài hạn	25,821,211,674	22,869,583,121
Doanh thu nhận trước	25,821,211,674	22,869,583,121
Tổng	38,763,887,435	34,924,505,879

5.13 Phải trả khác

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	18,421,223,371	21,527,938,855
Tài sản thừa chờ giải quyết		-
Kinh phí công đoàn	3,176,399,606	2,306,302,267
Bảo hiểm xã hội	1,124,425,191	942,447,755
Bảo hiểm y tế	2,104,637,550	1,920,452,105
Bảo hiểm thất nghiệp	708,799,302	647,468,034
Phải trả lợi nhuận khoán		-
Phải trả khác	11,306,961,722	15,711,268,694
b) Dài hạn	5,005,358,574	4,794,960,183
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	2,282,470,183	2,282,470,183
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2,722,888,391	2,512,490,000
Tổng	23,426,581,945	26,322,899,038

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	31/03/2018		phát sinh trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1,405,576,057,518	1,405,576,057,518	757,676,951,036	693,790,848,551	1,341,689,955,034	1,341,689,955,034
NH Ngoại Thương VN (VCB)	692,085,539,104	692,085,539,104	391,667,754,475	379,002,956,559	679,420,741,188	679,420,741,188
NH Ngoại Thương VN (VCB)-USD	25,266,904,603	25,266,904,603	65,766,275,904	40,499,371,301	-	-
NH VIB	25,219,998,584	25,219,998,584	24,294,446,731	-	925,551,853	925,551,853
NH Far East National Bank (SINOPAC)	44,152,881,018	44,152,881,018	7,672,925,409	23,971,842,834	60,451,798,443	60,451,798,443
NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN - Nam SG	292,105,518,162	292,105,518,162	95,726,961,254	148,856,902,126	345,235,459,034	345,235,459,034
NH Standard Chartered	19,674,941,111	19,674,941,111	19,683,298,686	8,118,233,998	8,109,876,423	8,109,876,423
NH Công Thương VN - TP.HCM	281,938,344,364	281,938,344,364	152,384,421,584	84,724,606,935	214,278,529,715	214,278,529,715
Nợ dài hạn đến hạn trả						
NH Ngoại Thương VN (VCB)-USD	14,958,788,805	14,958,788,805	6,672,590	4,690,923,785	19,643,040,000	19,643,040,000
NH Ngoại Thương VN (VCB)-VNĐ	3,118,903,106	3,118,903,106	-	1,326,768,894	4,445,672,000	4,445,672,000
Ngân hàng Công Thương VN CN4- VND	6,362,938,698	6,362,938,698	473,738,300	2,137,919,376	8,027,119,774	8,027,119,774
Ngân hàng Công Thương VN CN4- USD	691,299,963	691,299,963	456,103	461,322,744	1,152,166,604	1,152,166,604
Vay dài hạn	74,365,351,817	74,365,351,817	2,368,691,500	473,738,300	72,470,398,617	72,470,398,617
Ngân hàng Công Thương VN CN4-VNĐ	31,815,234,142	31,815,234,142	2,368,691,500	473,738,300	29,920,280,942	29,920,280,942
Ngân hàng Công Thương VN CN4-USD	3,686,932,675	3,686,932,675	-	-	3,686,932,675	3,686,932,675
Ngân hàng Ngoại Thương VN (VCB)-VNĐ	5,420,000,000	5,420,000,000	-	-	5,420,000,000	5,420,000,000
Ngân hàng Ngoại Thương VN (VCB)-USD	33,443,185,000	33,443,185,000	-	-	33,443,185,000	33,443,185,000
	-	-	-	-	-	-
CỘNG	1,479,941,409,335	1,479,941,409,335	760,045,642,536	694,264,586,851	1,414,160,353,651	1,414,160,353,651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.15 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng (VND)
Số dư tại 01/01/2017	182,000,000,000	31,399,897,713	92,342,496,709	305,742,394,422
Tăng vốn	-			-
Lãi trong năm trước			74,002,044,917	74,002,044,917
Trích lập các quỹ			11,840,327,186	11,840,327,186
Chia trả cổ tức 2016			45,500,000,000	45,500,000,000
Giảm khác			3	3
Số dư tại 31/12/2017	182,000,000,000	31,399,897,713	109,004,214,438	322,404,112,151
Số dư tại 01/01/2018	182,000,000,000	31,399,897,713	109,004,214,438	322,404,112,151
Lãi trong kỳ	-	-	14,137,963,611	14,137,963,611
Trích lập các quỹ	-	-	2,262,074,178	2,262,074,178
Số dư tại 31/03/2018	182,000,000,000	31,399,897,713	120,880,103,871	334,280,001,584

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/03/2018 VND	01/01/2018 VND	tỷ lệ %
Tập đoàn dệt may Việt Nam	50,400,000,000	50,400,000,000	27.69%
Công ty cổ phần 4M	17,800,000,000	17,800,000,000	9.78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491,220,000	491,220,000	0.27%
Vốn góp khác	113,308,780,000	113,308,780,000	62.26%
Tổng	182,000,000,000	182,000,000,000	100.00%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND
Vốn góp tại đầu năm	182,000,000,000	182,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ		
Vốn góp tại cuối kỳ	182,000,000,000	182,000,000,000
Cổ tức lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	31/03/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,200,000	18,200,000
cổ phiếu phổ thông	18,200,000	18,200,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10,000	10,000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/03/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	31,399,897,713	31,399,897,713
Tổng	31,399,897,713	31,399,897,713

5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ Q1/2018 VND	Kỳ Q1/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	660,225,425,414	671,116,616,518
Doanh thu bán hàng	652,286,712,049	664,051,494,226
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7,938,713,365	7,065,122,292
Doanh thu chuyển nhượng BDS		
Các khoản giảm trừ doanh thu	4,473,757,172	2,375,913,833
Giảm giá hàng bán	511,081,370	444,448,354
Hàng bán trả lại	3,962,675,802	1,931,465,479
Tổng	655,751,668,242	668,740,702,685

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.17 Giá vốn hàng bán

	Kỳ Q1/2018 VNĐ	Kỳ Q1/2017 VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	224,926,012	172,337,717
Giá vốn của thành phẩm đã bán	505,783,840,081	519,127,899,120
Tổng	506,008,766,093	519,300,236,837

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ Q1/2018 VNĐ	Kỳ Q1/2017 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	229,698,296	40,199,546
Cổ tức, lợi nhuận được chia	450,000,000	450,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,240,426,949	5,541,677,781
Doanh thu hoạt động tài chính khác		2,153,600
Tổng	3,920,125,245	6,034,030,927

5.19 Chi phí tài chính

	Kỳ Q1/2018 VNĐ	Kỳ Q1/2017 VNĐ
Lãi tiền vay	9,161,963,998	5,260,205,367
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,665,743,990	2,263,199,765
Tổng	10,827,707,988	7,523,405,132

5.20 Chi phí bán hàng

	Kỳ Q1/2018 VNĐ	Kỳ Q1/2017 VNĐ
Chi phí nhân viên	10,015,763,266	16,081,759,872
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	855,126,790	428,104,350
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1,347,640,762	1,699,914,821
Chi phí khấu hao TSCĐ	635,056,063	425,534,386
Thuế, phí, lệ phí	49,018,182	16,373,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40,371,564,555	39,085,092,666
Chi phí bằng tiền khác	5,319,106,309	4,421,140,969
Tổng	58,593,275,927	62,157,920,064

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ Q1/2018 VNĐ	Kỳ Q1/2017 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	38,519,087,743	36,575,376,439
Chi phí vật liệu quản lý	1,942,183,106	1,736,601,695
Chi phí đồ dùng văn phòng	2,002,767,803	2,463,618,029
Chi phí khấu hao TSCĐ	4,244,683,201	6,873,672,390
thuế phí và lệ phí	193,101,020	992,689,241
Chi phí dự phòng	242,884,384	45,082,604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11,550,194,866	9,217,932,525
Chi phí bằng tiền khác	7,977,444,034	9,821,836,440
Tổng	66,672,346,157	67,726,809,363

5.22 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Kỳ Q1/2018 VNĐ	Kỳ Q1/2017 VNĐ
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	248,901,818	334,011,723
chênh lệch tiền gia công+NPL		67,036,152
Thu nhập khác	219,657,648	50,387,185
Tổng	468,559,466	451,435,060
Chi phí khác		
Phạt vi phạm hành chính	3,895,046	118,475,694
Chi phí khác	16,228,553	64,413,518
Tổng	20,123,599	182,889,212
Lợi nhuận khác	448,435,867	268,545,848

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ Q1/2018 VNĐ	Kỳ Q1/2017 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18,018,133,189	18,334,908,063
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	1,832,714,703	1,728,200,325
- Các khoản chi phí không chứng từ	1,591,507,157	1,465,037,130
- Các khoản phạt	3,895,046	118,475,694
- Chi phí khấu hao vượt mức quy định	237,312,500	144,687,501
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	450,000,000	450,000,000
- Cổ tức	450,000,000	450,000,000
Thu nhập chịu thuế	19,400,847,892	19,613,108,388
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN phát sinh đối với hoạt động chính	3,880,169,578	3,922,621,678
Chi phí thuế TNDN	3,880,169,578	3,922,621,678

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ Q1.2018	Kỳ Q1.2017
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	311,659,194,861	297,997,186,884
Chi phí nhân công	136,916,335,752	165,534,270,388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14,429,228,319	15,186,127,360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	159,270,527,346	160,794,759,125
Chi phí khác bằng tiền	8,999,101,899	9,672,622,508
Tổng	631,274,388,177	649,184,966,265

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan
Giao dịch với các bên có liên quan
Giao dịch bán hàng trong kỳ**

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Q1.2018 VND	Q1.2017 VND
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Khác	12,850,000	11,806,727
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Quần áo	1,376,818	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	10,961,985	-
		Tiền thuê nhà	71,306,100	-
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Quần áo	4,090,900	3,927,264
		Điện, ăn, nước, thuê máy	1,071,000	-
		Khác	466,425	-
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Nguyên Phụ Liệu	53,881,300	45,784,000
		Khác	8,500,000	-
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	-	(1,800,000)
		Tiền thuê nhà	-	72,865,000
		Nguyên Phụ Liệu	-	1,157,809
		Khác	6,000,000	(59,031,312)
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	100,819,350	14,533,044
		Tiền thuê nhà	81,385,475	108,508,827
		Thiết bị các loại	-	30,076,727
Cty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	5,450,000	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	39,031,654	-
		Tiền thuê nhà	149,820,000	-
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	-	32,776,364
Cty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	118,804,546	1,252,627,633
		Nguyên Phụ Liệu	-	706,154
		Khác	6,000,000	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch bán hàng trong kỳ (Tiếp theo)**

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Q1.2018 VND	Q1.2017 VND
Cty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	16,123,636	23,270,455
Cty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	-	1,318,182
		Điện, ăn, nước, thuê máy	24,047,062	4,956,510
		Tiền thuê nhà	124,795,050	55,063,800
		Khác	-	13,987,692
CN Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	-	2,799,550
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	9,900,000	6,144,000
Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	7,437,208	746,977
		Tiền thuê nhà	11,764,500	-
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Quần áo	16,620,000	6,960,000
		Nguyên Phụ Liệu	-	31,823,168
		Khác	-	451,727
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Quần áo	-	6,924,206,250
		Khác	7,130,000	-
Cty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Khác	4,409,091	-
Công Ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Quần áo	7,929,259	-
		Khác	14,434,122	-
		Thiết bị các loại	9,740,406,105	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong kỳ**

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Q1.2018 VND	Q1.2017 VND
Cty CP May An Nhơn	Công ty con	Gia công	4,534,410,102	3,899,851,717
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Gia công	-	4,721,413,175
Cty CP May Đà Lạt	Công ty con	Gia công	10,723,677,817	9,067,063,551
Cty CP May Gia Lai	Công ty con	Gia công	15,440,517,835	15,758,613,970
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Gia công	13,292,188,020	18,031,897,406
		Phí vận chuyển	37,989,091	-
		khác	14,727,273	1,000,000
Cty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Gia công	39,332,923	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phí vận chuyển	11,294,575,280	9,429,150,881
		khác	34,113,809,925	24,959,400,616
Cty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	3,990,342,000	2,032,964,000
		Văn Phòng Phẩm	1,940,000	-
		Sửa chữa	-	13,300,000
Cty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	-	1,097,110,383
		Thiết bị các loại	-	3,200,000
		Công cụ, dụng cụ	-	46,200,000
Cty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	634,794,772	633,949,490
Cty CP May Bình Thuận-Nhà Bè	Công ty con	Gia công	4,136,766,349	2,809,104,921
		Hoa Hồng	35,641,363	30,863,181
Cty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	616,471,400	542,349,140
		khác	1,072,056,265	50,032,220
		Sửa chữa	-	435,283,636
CN Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	-	184,508,365
		khác	-	420,815,552
		Văn Phòng Phẩm	-	23,379,673
		Sửa chữa	-	245,112,273
		Quảng cáo	-	258,514,500

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

**6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)
Giao dịch mua hàng trong kỳ (Tiếp theo)**

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Q1.2018 VND	Q1.2017 VND
Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	1,890,000	-
		Công cụ, dụng cụ	-	117,950,000
		Phí vận chuyển	691,322,500	-
		khác	1,348,751,327	128,884,400
		Văn Phòng Phẩm	17,800,000	-
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Quảng cáo	2,270,000	-
		Gia công	19,146,418,606	18,767,136,092
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Gia công	-	2,552,209,687
		khác	-	112,951,609
Công Ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Gia công	10,268,118,653	

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

**6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)
Số dư với các bên có liên quan**

Bên Liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/03/2018 VND
Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển DV-TM NB	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	200,425,308
Công ty CP May An Nhơn	Công ty con	Phải thu khách hàng	916,360,718
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	12,131,541,743
Công ty CP tư vấn CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	1,971,176,757
Công ty CP XLCN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	632,277,859
Công ty TNHH giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	29,357,112,329
Cty CP May Bình Định	Công ty con	Phải thu khách hàng	410,887,238
Cty CP May Đức Linh - Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	37,454,354,135
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Phải thu khách hàng	52,910,485,591
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Phải thu khách hàng	8,009,073,610
Cty CP truyền thông & Du lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	7,493,609
Công ty cổ phần May Bình Thuận	Công ty con	Phải trả người bán	4,050,391,915
Công ty cổ phần May Phú Thịnh	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	6,024,196
Công ty cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	354,038,251
Công ty CP May An Nhơn	Công ty con	Phải trả người bán	3,058,979,647
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải trả người bán	359,567,071
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả người bán	5,286,804,575
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải trả người bán	5,300,814,162
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải trả người bán	4,511,505,199
Công ty CP XLCN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	275,071,500
Công ty TNHH May mặc Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	344,990
Cty CP May Đức Linh - Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	9,947,945,788
Cty CP May Gia Phúc	Công ty con	Phải trả người bán	6,251,533,399
Cty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Phải trả người bán	6,920,983,891



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2018

Người lập



Huỳnh Văn Phát

**Trưởng phòng
Kế toán**



Thân Phạm Tiến



Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân